

Bản án số: **11/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/3/2018

V/v tranh chấp về cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hành

2/ Ông Trần Minh Nhẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2017 về việc tranh chấp về cấp dưỡng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 23/02/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lý Văn Th, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp G, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Bà Kiên Thị L, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lý Văn Th trình bày: Vào năm 2006, ông Lý Văn Th và bà Kiên Thị L chung sống nhưng không đăng ký kết hôn và có ba người con chung là: Kiên Thị Ngọc G, Kiên Thị Ngọc S, cùng sinh ngày 29/7/2008 và Kiên Minh Ng, sinh ngày 26/4/2013. Sau một thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc nên ông Th xin ly hôn. Đến ngày 14/6/2016 ông Th và bà L được Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, theo đó Tòa án ghi nhận mối quan hệ giữa ông Th, bà L không phải vợ chồng, về con chung ông Th và bà L thỏa thuận giao ba con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông Th cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng/con chung, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/7/2016 đến khi ba người con chung đủ 18 tuổi, tài sản tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Th đã cấp dưỡng nuôi con đầy đủ, mỗi tháng 3.000.000 đồng đến tháng 8/2017. Nay ông Th làm ăn thất thoát, thua lỗ nhiều,

hiện gặp nhiều khó khăn mất khả năng thực hiện quyền cấp dưỡng nên yêu cầu Tòa án xác định lại mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng/con chung, tính từ tháng 9/2017 cho đến khi ba con chung đủ 18 tuổi.

- Bị đơn bà Kiên Thị L trình bày: Bà L thừa nhận thời gian chung sống không có đăng ký kết hôn, về con chung, mức cấp dưỡng, tài sản và nợ chung như ông Th trình bày là đúng. Tuy nhiên, việc ông Th yêu cầu Tòa án xác định lại mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng/con chung thì bà L không đồng ý mà yêu cầu giữ nguyên mức cấp dưỡng mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 14/6/2017 của Tòa án, vì ông Th có thu nhập ổn định, không gặp khó khăn như ông Th trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn Th, nhận thấy vào năm 2006 ông Th và bà L tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông Th và bà L có ba người con chung là: Kiên Thị Ngọc G, Kiên Thị Ngọc S, cùng sinh ngày 29/7/2008 và Kiên Minh Ng, sinh ngày 26/4/2013. Sau một thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc nên ông Th yêu cầu được ly hôn với bà L. Tại Quyết định số 30/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, trong đó có nội dung: ông Th và bà L thỏa thuận giao ba con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông Th cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng/con chung, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/7/2016 đến khi ba người con chung đủ 18 tuổi.

Ông Th yêu cầu Tòa án xác định lại mức cấp dưỡng nuôi ba con chung nêu trên, mỗi tháng 650.000 đồng/con chung, tính từ tháng 8/2017 cho đến khi ba con chung đủ 18 tuổi, vì theo ông Th hiện nay do làm ăn thất thoát, thua lỗ nhiều, gặp nhiều khó khăn nên ông Th mất khả năng thực hiện quyền cấp dưỡng theo quyết định công nhận sự thỏa thuận trước đây của Tòa án. Ông Th cung cấp cho Tòa án Đơn xin xác nhận tạm trú, bản sao 02 hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP Bru điện Liên Việt, Chi nhánh Sóc Trăng số tiền 120.000.000 đồng và vay 90.000.000 đồng, mục đích vay sửa chữa nhà ở và mua sắm đồ gia dụng (bút lục 40, 74); và bản sao hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp xác lập giữa ông Th với Công ty tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam, để vay số tiền 5.979.000 đồng, mục đích mua điện máy (bút lục 33).

[2] Xét thấy, cả hai hợp đồng tín dụng nêu trên được xác lập vào tháng 8/2017 (sau khi có quyết định của Tòa án công nhận thỏa thuận giữa ông Th và bà L), mục đích vay cùng là sửa chữa và mua sắm vật dụng, điện máy, không phải là chứng cứ chứng minh việc ông làm ăn thua lỗ như ông trình bày. Theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình thì mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Tuy nhiên qua xác minh tại Công an nhân dân huyện Đ, nơi ông Th đang công tác thì thu nhập ổn định hiện nay của ông Th là 12.589.824 đồng/tháng (tăng 2.212.224 đồng so với thời điểm Tòa án công nhận sự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con chung của ông Th 1.000.000 đồng/con chung vào tháng 7/2016). Do đó, việc ông Th cho rằng gặp khó khăn dẫn đến mất khả năng thực hiện quyền cấp dưỡng, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng/con chung là không có căn cứ. Mặt khác mức cấp dưỡng 650.000 đồng/tháng/con chung mà ông Th yêu cầu không đảm bảo để bà L chi tiêu cho nhu cầu sinh hoạt, chăm sóc, chi phí học hành để ba người con chung của ông Th với bà Lan phát triển bình thường.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy nguyên đơn không chứng minh được yêu cầu khởi kiện là có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét đề nghị của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí sơ thẩm: Ông Lý Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 2 Điều 82, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn Th về việc yêu cầu Tòa án xác định lại mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2/ Về án phí sơ thẩm: Ông Lý Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0006512, ngày 17/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Th đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đường sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh